TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16-10-2018
V/v "tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Hân Em

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quốc Hùng.

2. Ông Lý Đạt Thành.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: không tham gia.

Trong ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2018/TLST-HNGĐ ngày 18/7/2018 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 373/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 226/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/9/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Phạm Thị Kim L**, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: 281, đường N, ấp B, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: anh **Vương Thanh V**, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 23/8/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Kim L trình bày: sau thời gian tự tìm hiểu, chị Phạm Thị Kim L và anh Vương Thanh V tiến đến hôn nhân vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang ngày 04/11/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và

sinh được một con chung tên Vương Gia T, sinh ngày 26/6/2017. Tuy nhiên, đến tháng 10 năm 2017 thì chị L và anh V phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ và con; trong quá trình chung sống anh V thường xuyên bỏ nhà đi không rõ lý do. Mặc dù được gia đình hai bên hòa giải nhưng do không còn phù hợp nhau nên chị L và anh V không còn sống chung từ cuối năm 2017 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về quan hệ con chung: hiện tại chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vương Gia T. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Vương Thanh V: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh V nhưng anh đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Vương Thanh V đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Vương Thanh V đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập, anh V đều vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

[3] Về nội dung: chị Phạm Thị Kim L với anh Vương Thanh V chung sống với nhau từ năm 2015, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 153/2015, quyển số 01/2015, ngày 04/11/2015. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lvới anh V phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị L, thấy rằng: chị Lvới anh V chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Đến tháng 10 năm 2017 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình và thường xuyên bỏ nhà đi. Từ đó, chị L và anh V không còn tình cảm với nhau. Đến cuối năm 2017 thì chị L không còn sống chung với anh V.

Về phía anh V, kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh V, tạo điều kiện cho anh hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị L. Tuy nhiên, anh V không đến tham gia các phiên hòa giải và cũng không có văn bản nào thể hiện nguyện vọng muốn được hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị L. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị L với anh V mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Kim L.

[5] Về quan hệ con chung: chị L với anh V có 01 con chung tên Vương Gia T, sinh ngày 26/6/2017. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi cần xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con"*. Cháu T đang được chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L với anh V cũng không có thỏa thuận về nuôi con. Do vậy, để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của cháu T, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L; giao cháu T cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Phạm Thị Kim L không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Chị L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[6] Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: chị L xác định không có nợ chung.

[8] Do chị Phạm Thị Kim L yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kim L.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Kim L được ly hôn với anh Vương Thanh V.

- Về quan hệ con chung: có 01 con chung tên Vương Gia T, sinh ngày 26/6/2017.

+ Giao cháu Vương Gia T cho chị Phạm Thị Kim L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (hiện cháu T đang sống chung với chị L).

+ Chị Phạm Thị Kim L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Vương Thanh V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, của cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về nợ chung: ghi nhận chị Phạm Thị Kim L xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Phạm Thị Kim L và anh Vương Thanh V vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Phạm Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008904 ngày 18/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (để biết);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hân Em